

# KHUNG THAM CHIẾU - CÔNG CỤ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP TRONG ĐÀO TẠO THEO TÍN CHỈ

**ThS. CAO THỊ CHÂU THỦY**  
Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

## 1. Đặt vấn đề

Hiện nay, mô hình đào tạo (ĐT) theo tín chỉ đã được áp dụng tại hầu hết các trường đại học ở Việt Nam. Tuy nhiên, những thay đổi theo hướng tích cực diễn ra với tốc độ tương đối chậm, đặc biệt là hoạt động (HĐ) học tập (HT) của người học vẫn chưa thực hiện được theo đúng yêu cầu và bản chất của ĐT theo tín chỉ. Để HĐ này đảm bảo tính chất, yêu cầu và đúng vai trò là người “chủ động, tích cực” trong HĐ HT, cần dựa trên cơ sở lý thuyết và thực tiễn xây dựng Khung tham chiếu (KTC) - một công cụ quản lý (QL) và đánh giá (ĐG) trách nhiệm, nhiệm vụ của các đối tượng liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến HĐ HT của người học nhằm hướng các đối tượng đến đúng với trách nhiệm và nhiệm vụ của mình.

## 2. Cơ sở xây dựng KTC cho HĐ ĐT theo tín chỉ

### 2.1. Các chủ thể và trách nhiệm, nhiệm vụ

Trong HĐ QL nói chung, hai đối tượng liên quan trực tiếp là chủ thể QL và đối tượng QL. Tuy nhiên, các chủ thể là người dạy và người học trong nhà trường có sự liên kết chặt chẽ không chỉ bởi cơ chế HĐ theo những quy luật/tính quy luật khách quan của tổ chức xã hội - nhà trường, mà còn bởi HĐ chủ quan, HĐ QL của chính bản thân giáo viên và học sinh. Do đó, QL nhà trường nói chung và QL quá trình ĐT nói riêng không chỉ là trách nhiệm riêng của hiệu trưởng mà là trách nhiệm chung của tất cả các thành viên trong nhà trường [1]. Việc xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn, tính chịu trách nhiệm và các quan hệ trong công việc của mỗi chủ thể trong nhà trường là nhằm sử dụng tối đa các nguồn lực đạt tới mục tiêu đặt ra [2]. Trong phương thức ĐT theo tín chỉ, ở khía cạnh QL HĐ HT của người học, các chủ thể chính liên quan trực tiếp và gián tiếp đến HĐ học là sinh viên (SV) và người dạy (giảng viên), nhân sự cố vấn và tư vấn, nhân sự QL các vị trí cố vấn, tư vấn và giảng viên, ban giám hiệu.

### 2.2. ĐT theo tín chỉ

Tín chỉ (credit, the university credit, credit unit) là một thuật ngữ cơ bản, đặc trưng trong hệ thống tín chỉ. Các định nghĩa về tín chỉ tập trung vào hai nội dung cơ bản như sau:

- Khối lượng HT được quy ước bằng các kiểu giờ HT tương ứng với các hình thức HT: Tổng số thời gian cho tất cả HĐ HT của người học đối với một giờ tín chỉ gồm ba loại thời gian học yếu như sau: Giờ lên lớp (contact hour); Giờ thực hành (tutor hour); Giờ tự học (self-study).

- Yêu cầu đối với “đầu ra” - kết quả phải đạt được đối với khối lượng công việc để công nhận tín chỉ. Tín chỉ chỉ được công nhận và tích lũy khi kết quả “đầu ra” của mỗi môn học, học phần phải đạt xếp loại trên điểm F (dưới 4,0 điểm).

Từ đó, khái niệm tín chỉ có thể phát biểu như sau: *Tín chỉ là một đơn vị đo khối lượng HT cần thiết đối với một môn học, học phần cụ thể để đáp ứng được yêu cầu về “đầu ra”*. Những đặc điểm cơ bản của tín chỉ ảnh hưởng, chi phối đến quá trình ĐT là:

*Tích lũy tín chỉ:* Quá trình HT theo tín chỉ là quá trình tích lũy kiến thức theo học phần (module)/môn học và được tính bằng đơn vị tín chỉ. Một học phần có khoảng từ 2 đến 5 tín chỉ. Tín chỉ chỉ được công nhận cho mỗi học phần khi người học đảm bảo đủ các điều kiện cơ bản: Điều kiện tiên quyết; hoàn thành các HĐ học được giao; kết quả ĐG quá trình HT phải đạt từ điểm D (4,0-5,4 điểm) trở lên, trong đó điểm ĐG quá trình không có trọng số trên 50%.

*Chương trình ĐT bắt buộc và tự chọn:* Chương trình ĐT theo tín chỉ có ba loại học phần: Học phần bắt buộc phải học, học phần lựa chọn theo hướng dẫn của nhà trường và học phần chọn tùy ý [3]. Các trường đại học Việt Nam có hai loại học phần phổ biến, đó là: Học phần bắt buộc và học phần tự chọn. SV có thể lựa chọn các học phần, hỗ trợ cho chuyên môn, nhu cầu xã hội hoặc họ đang thiếu về mảng tri thức, kĩ năng nào đó,...

*Khối lượng HT:* Ở phương thức ĐT truyền thống, một chương trình cử nhân gồm từ 200 – 210 đơn vị học trình, mỗi đơn vị học trình gồm 15 tiết (tổng cộng tương đương khoảng 3000 tiết) giảng viên và SV tiếp xúc trực tiếp trên lớp. Ở phương thức ĐT tín chỉ, số lượng tín chỉ tích lũy cho 4 năm chỉ cần 120 TC tức là chỉ có 1800 tiết. Như vậy, hầu hết các môn học, học phần đều giảm trên giới 50%, có môn giảm trên 70% thời lượng [4].

*Hình thức tự học:* Bao gồm các công việc như chuẩn bị bài mới, tự nghiên cứu, tự tìm hiểu vấn đề theo nhu cầu,... được xem là một HĐ bắt buộc. Số tiết tự học của SV phải đảm bảo cho một tín chỉ ít nhất là 30 giờ nghĩa là 1 tiết học lý thuyết hoặc thực hành, SV phải dành ít nhất 2 tiết (100 phút) để chuẩn bị bài [5].

*Hình thức tổ chức HĐ dạy học:* HĐ dạy – học được tổ chức theo ba hình thức (lên lớp, thực hành và tự học) tương đương với ba kiểu giờ tín chỉ: Giờ tín chỉ lên lớp, giờ tín chỉ thực hành và giờ tín chỉ tự học.

*Kiểm tra, ĐG quá trình HT:* HĐ kiểm tra, ĐG kết quả HT của người học trong ĐT theo tín chỉ là kiểm tra, ĐG cả quá trình học của mỗi học phần, môn học. Theo quy định, tổng điểm ĐG, kiểm tra quá trình HT đối với SV không quá 50% tổng số điểm.

*Cố vấn và tư vấn HT:* Trong ĐT theo tín chỉ, vai trò của cố vấn và tư vấn HT rất quan trọng. Cố vấn HT hỗ trợ SV hoạch định được mục tiêu HT, xây dựng và thực hiện kế hoạch HT, cố vấn HT là cầu nối giữa SV với nhà trường, xã hội, hướng SV đến mục tiêu ĐT chung của nhà trường và



đáp ứng chuẩn nghề nghiệp trong tương lai [6].

*SV tự đăng kí kế hoạch HT và tổ chức lớp theo học phần/môn học:* ĐT theo tín chỉ cho phép SV tự đăng kí học phần trong từng học kì dựa vào khả năng, mong muốn và hoàn cảnh riêng. Vì vậy, mỗi người học có kế hoạch HT của cá nhân; qua đó, nhà trường tổ chức lớp học theo học phần/môn học mà SV đăng kí.

### **2.3. Đặc điểm yêu cầu đối với HĐ HT của người học**

Đặc điểm của HĐ HT trong ĐT theo tín chỉ là người học tự tổ chức kế hoạch HT và hình thức tự học. Yêu cầu đối với HĐ HT theo tín chỉ đối với người học như sau: Lập và thực hiện kế hoạch HT dựa trên khả năng và mong muốn; Tìm hiểu kĩ để cương từng môn học; Gặp giảng viên hoặc cố vấn HT để trao đổi về những vấn đề HT khi cần thiết; Chủ động tìm tòi, trau dồi tri thức, kĩ năng, kĩ xảo và phẩm chất; Đảm bảo số giờ tự học cho mỗi học phần để hoàn thành các yêu cầu, nhiệm vụ được giao và bổ sung, nâng cao kiến thức, kĩ năng; Tham khảo thực tế về các chuyên ngành đang hoặc có dự định HT; Có được phương pháp và kĩ năng HT, giải quyết vấn đề.

### **2.4. QL HĐ HT**

Theo phương thức ĐT theo tín chỉ, người học có cơ hội lớn trong việc lựa chọn môn học, ngành học phù hợp với kiến thức, kĩ năng, phẩm chất cho nghề nghiệp tương lai. Cụ thể các nội dung gồm:

- Lên kế hoạch HT: Về nội dung, kĩ năng, thời gian, công việc, vấn đề thực hiện, giải quyết; tài liệu tham khảo; nội dung kiến thức, kĩ năng được chia sẻ, hướng dẫn, tư vấn từ giảng viên, người tư vấn.

- Thực hiện những yêu cầu giảng dạy HT giảng viên yêu cầu. Bên cạnh đó, tự bổ sung nâng cao kiến thức, kĩ năng, phẩm chất trong cả quá trình ĐT, ở từng môn học.

- Tự kiểm tra, ĐG HĐ HT với mục tiêu đặt ra. Thường xuyên rút kinh nghiệm, cải tiến phương pháp, cách thức HT để HĐ HT có chất lượng và hiệu quả.

Mặc dù người học chủ động tổ chức, lên kế hoạch, điều hành, kiểm tra, ĐG, điều chỉnh HĐ HT nhưng vẫn cần có sự định hướng, hướng dẫn, điều khiển và QL từ phía giảng viên. Trong HĐ giảng dạy theo phương thức ĐT theo tín chỉ, giảng viên cần thực hiện những công việc sau: Dựa trên HĐ/nội dung giảng dạy, giảng viên lên kế hoạch và thực hiện tư vấn, định hướng, hướng dẫn, trao đổi với SV về việc lên mục tiêu, kế hoạch HT; Giảng viên lên kế hoạch và thực hiện giám sát, kiểm tra HĐ HT của SV thông qua kế hoạch đã chuẩn bị cụ thể và rõ ràng; Đảm bảo SV thực hiện đầy đủ, chính xác quy chế HT và rèn luyện; Bồi dưỡng, rèn luyện năng lực tự học cho SV thông qua các hình thức khác nhau.

Bên cạnh đó, các cố vấn và tư vấn HT có những nhiệm vụ sau: Hướng dẫn SV nắm vững và hiểu đúng về quy chế ĐT của Bộ GD&ĐT, các quy định của nhà trường; Tư vấn cho người học chọn ngành học, ngành ĐT, môn học/học phần; Tư vấn và xét duyệt kế hoạch HT của người học; Cố vấn HĐ ngoại khóa; Hỗ trợ, hướng dẫn, định hướng cho SV khi gặp khó khăn trong quá trình tiếp thu bài; Tư vấn hướng nghiệp và việc làm cho SV; Tham mưu cho lãnh đạo trường, khoa và bộ môn.

Dựa vào những yêu cầu, đặc điểm của ĐT theo tín

chỉ, để QL HĐ tư vấn và cố vấn có hiệu quả, các chủ thể cần có những HĐ sau:

- Dựa vào yêu cầu đối với HĐ tổ chức tư vấn, cố vấn, các chủ thể QL ở cấp độ ban giám hiệu cần tuyển dụng, phân công hoặc ĐT để xây dựng hệ thống cố vấn và tư vấn HT.

- Các chủ thể QL cần thiết lập các mục tiêu, kế hoạch cho các HĐ cố vấn, tư vấn ở từng học kì, năm học, môn học, đối tượng cụ thể để đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo cho tổ chức kế hoạch ĐT vận hành một cách khoa học, chặt chẽ, linh hoạt. Bên cạnh đó, cần thực hiện các kế hoạch bồi dưỡng, ĐT, tập huấn HĐ cố vấn và tư vấn.

- Dựa vào vai trò, yêu cầu về những HĐ cần tư vấn, cố vấn và mục tiêu kế hoạch của HĐ tư vấn trong nhà trường, khoa, mục tiêu ĐT của từng môn học/học phần, chuyên ngành, đối tượng cụ thể,... các chủ thể QL trực tiếp các HĐ tư vấn và cố vấn lập kế hoạch, hình thức tổ chức và tự kiểm tra, ĐG nội dung công việc.

- Cần xây dựng quy trình công tác cố vấn, tư vấn một cách khoa học về thời gian, nội dung công việc của từng vị trí, số lượng SV, địa điểm, hình thức, phương pháp, công cụ,... thực hiện.

## **3. KTC - công cụ QL HĐ HT theo tín chỉ**

### **3.1. Khái niệm KTC**

Khái niệm tham chiếu (reference) là việc sử dụng nguồn thông tin để xác định vấn đề nào đó. KTC (frame of reference) được định nghĩa là một tập hợp các giả định cơ bản hoặc các tiêu chuẩn để xác định và xử phạt hành vi hoặc một tập hợp của các khái niệm, giá trị, phong tục, quan điểm,... để ĐG cá nhân hay một nhóm người hoặc để điều chỉnh hành vi... [7].

### **3.2. Mục đích và vai trò của KTC**

KTC được xem là công cụ chia sẻ kiến thức nền tảng, cung cấp cơ sở hợp lí cho HĐ ĐG và xem xét lại những HĐ, công việc mà tổ chức hay cá nhân đang thực hiện để nhằm thực hiện thành công các giai đoạn của dự án hay chương trình. Việc xây dựng và tiến hành sử dụng KTC được thực hiện trong những bối cảnh như sau: Cần ĐG; Nghiên cứu tiên khả thi; Nghiên cứu khả thi; ĐG nhận thức bao gồm việc kiểm tra sự thể hiện và ĐG sự ảnh hưởng; Nhiệm vụ ĐG của cá nhân; Xác định nhiệm vụ; Xem xét lại HĐ và chương trình; Báo cáo độc lập; Kiểm toán; Nhóm tư vấn kĩ thuật. Việc xây dựng KTC nhằm thực hiện việc xác định nhiệm vụ, trách nhiệm của các đối tượng liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến HĐ QL HĐ HT và ĐG việc thực hiện công việc của các đối tượng này.

### **3.3. Đề xuất KTC**

Trên cơ sở phân tích hệ thống các đặc điểm, yêu cầu của phương thức ĐT theo tín chỉ, cũng như HĐ QL quá trình ĐT theo tín chỉ và các nguyên tắc xây dựng KTC, tác giả đề xuất KTC cho việc QL HĐ HT. Các chủ thể chịu trách nhiệm QL sẽ có những HĐ QL cần thực hiện để đáp ứng đặc điểm, yêu cầu và công tác QL (xem Bảng 1).

*Bảng 1: KTC cho các chủ thể liên quan đến QL HĐ HT của người học*

Hạng mục		HĐ/trách nhiệm, nhiệm vụ QL cần thực hiện
QL HĐ HT	Chủ thể người học (SV)	-Xác định mục tiêu HT để lựa chọn chuyên ngành, môn học/học phần đáp ứng được mục tiêu. -Lên kế hoạch học tập cụ thể cho từng học kì, từng môn học (mục tiêu, thời gian, HĐ cụ thể, địa điểm...). -Thực hiện yêu cầu HT và thỏa mãn nhu cầu HT của cá nhân. -Tự kiểm tra, ĐG HĐ HT và mục tiêu, rút kinh nghiệm để điều chỉnh, thay đổi nhằm đáp ứng mục tiêu đặt ra.
	Chủ thể người dạy (giảng viên)	-Lên kế hoạch và thực hiện HĐ định hướng, trao đổi, hướng dẫn với người học về việc lên mục tiêu và thực hiện HĐ HT. -Lên kế hoạch và thực hiện giám sát, kiểm tra, ĐG HĐ HT của SV. -Hỗ trợ, đảm bảo SV thực hiện đáp ứng được quy chế, yêu cầu HT và rèn luyện. -Bồi dưỡng năng lực tự học cho SV qua các hình thức khác nhau.
	Ban giám hiệu	- Tuyển dụng, phân công, ĐT xây dựng hệ thống cố vấn tư vấn HT đảm bảo các vị trí và chất lượng công việc.
	Các chủ thể QL các vị trí cố vấn, tư vấn (Ban chủ nhiệm khoa, phòng ĐT, phòng công tác SV)	- Xây dựng mục tiêu, kế hoạch cố vấn, tư vấn một cách khoa học, linh hoạt. - Có kế hoạch thường xuyên ĐT, bồi dưỡng, tập huấn cho các vị trí nhân sự cố vấn, tư vấn. - Xây dựng quy trình công tác tư vấn và công vấn khoa học, phù hợp với thực tiễn.
	Các chủ thể tư vấn, cố vấn (cố vấn HT)	- Lập mục tiêu, kế hoạch và ĐG cụ thể cho công việc cố vấn tư vấn của mình. - Phối hợp với các phòng chức năng, khoa, tổ bộ môn... trong việc tư vấn lựa chọn ngành nghề, môn học...

**4. Cách thức triển khai biện pháp**

**4.1. Các yêu cầu khi triển khai KTC**

a. Trong quá trình sử dụng KTC, căn cứ vào từng hạng mục/nhiệm vụ và HĐ QL của mỗi chủ thể, các QL cần tập trung thực hiện những nhiệm vụ sau: Mô tả, làm rõ thực trạng nhiệm vụ, HĐ của các chủ thể; Xác định mức độ thực trạng thực hiện nhiệm vụ và HĐ; Phân tích, giải thích, so sánh, đối chiếu yêu cầu công việc và thực

trạng để chỉ ra được những nhiệm vụ, HĐ thực hiện được và chưa đáp ứng, từ đó có những biện pháp nhằm giải quyết hạn chế và đáp ứng yêu cầu, mục tiêu của nhiệm vụ/HĐ.

b. KTC là công cụ để xác định và ĐG nhiệm vụ HĐ, cũng như mức độ thực hiện cho chính tự mỗi chủ thể và mỗi bộ phận, tổ chức, đòi hỏi sự chủ động tham gia và hợp tác của mỗi cá nhân, các bộ phận, tổ chức trong nhà trường.

c. Khi sử dụng KTC đòi hỏi sự tự ĐG khách quan, trung thực và sự cầu tiến của cá nhân, tổ chức để đáp ứng nhiệm vụ, HĐ đặt ra.

**4.2. Quy trình sử dụng KTC**

Bước 1: Thành lập hội đồng ĐG; Bước 2: Lập kế hoạch thực hiện; Bước 3: Thu thập và phân tích dữ liệu; Bước 4: Viết báo cáo xác định thực trạng nhiệm vụ, HĐ của chủ thể, bộ phận, tổ chức và ĐG mức độ thực hiện nhiệm vụ/ HĐ bằng cách so sánh đối chiếu giữa thực tiễn và các nhiệm vụ HĐ đã được xác định ở KTC. Từ đó, xác định HĐ, nhiệm vụ còn tồn tại và xây dựng những giải pháp nâng cao chất lượng công việc.

**4.3. Các minh chứng, dữ liệu cần thu thập**

- Các văn bản, quy định,... về các nhiệm vụ, HĐ cần thực hiện ở mỗi vị trí công việc phục vụ cho công tác ĐT theo tín chỉ;

- Các báo cáo tổng kết, ĐG cá nhân, mỗi bộ phận tổ chức của từng năm học;

- Số liệu có được từ phiếu khảo sát, phỏng vấn các đối tượng liên quan đến nhiệm vụ, trách nhiệm QL quá trình đào tạo để thực hiện việc xác định, làm rõ nhiệm vụ, trách nhiệm HĐ, tần suất thực hiện các công việc, nhiệm vụ và mức độ thực hiện của các đối tượng liên quan trực tiếp và gián tiếp. Các nội dung khảo sát và phỏng vấn dựa trên KTC được trình bày trong Bảng 2 và Bảng 3:

*Bảng 2: Thang đo tần số thực hiện công việc, nhiệm vụ ở mỗi vị trí công việc theo mức độ*

Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Không bao giờ
1	2	3	4

*Bảng 3: Thang đo mức độ hài lòng của các đối tượng hưởng thụ*

Hoàn toàn hài lòng	Hài lòng	Không hài lòng	Hoàn toàn không hài lòng
1	2	3	4

**5. Kết luận**

Từ cơ sở lí luận của KTC, thực tiễn và vai trò trong QL dự án, các biện pháp giải quyết vấn đề QL HĐ HT ở các trường đại học áp dụng ĐT theo tín chỉ, có thể thấy KTC sẽ là công cụ để QL và ĐG. Từ đó, các tổ chức nhà trường có những chính sách, quy định... để các chủ thể liên quan trực tiếp và gián tiếp thực hiện được đúng vai trò, trách nhiệm, nhiệm vụ của mình trong QL HĐ HT.

*(Xem tiếp trang 35)*